|  |  |
| --- | --- |
| UBND QUẬN LONG BIÊN**TRƯỜNG THCS BỒ ĐỀ****NĂM HỌC 2022 - 2023** | **MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I****MÔN: ĐỊA LÍ 9****Thời gian làm bài: 45 phút****Ngày KT: / 10 / 2022** |

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Đặc điểm dân cư nước ta

- Đặc điểm của các ngành kinh tế nông nghiệp, công nghiệp, GTVT, thương mại, .... và đặc điểm phân bố dân cư, kinh tế- xã hội của nước ta.

- Hiểu và vận dụng được kiến thức phân tích được cơ cấu của các ngành kinh tế, các vùng kinh tế

**2. Kĩ năng:**

- Rèn luyện kĩ năng phát hiện,vận dụng những kiến thức đã học vào bài

làm, kĩ năng xác định và trả lời đúng câu hỏi.

- Rèn kĩ năng phân tích, xác định, tổng hợp

**3. Phẩm chất:**

- Giáo dục tính tự lực, tự giác, kiên cường trong quá trình làm bài

- Rèn luyện tính kỉ luật của học sinh khi trong kiểm tra

- Bảo vệ môi trường

**4. Năng lực:**

- Năng lực tư duy tổng hợp kiến thức

- Năng lực tính toán, phân tích số liệu

**II. Hình thức kiểm tra:**

Trắc nghiêm khách quan - Tự luận

**III. MA TRẬN**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  **Nội dung** | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Tổng** |
| **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** |
| **DÂN CƯ** | - Biết được các đặc điểm về số dân , phân bố dân cư của nước ta | - Hiểu rõ các đặc điểm về cơ cấu, phân bố, ... của dân số nước ta | - Nhận xét đánh giá được về nguồn lao động và sử dụng lao động giải quyết việc làm. | - Phân tích được hiện trạng chất lượng cuộc sống ở Việt Nam |  |
| Số câu: 15Điểm: 5 | 41 |  | 61,5 | ½0,5 | 20,5 | ½0,5 | 20,5 |  | 15 câu5 đ |
| **CÁC NGÀNH KINH TẾ**  | - Biết được những đặc điểm phát triển và các yếu tố tự nhiên, xã hội ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố của các ngành kinh tế  | - Hiểu đặc điểm cơ cấu ngành lâm nghiệp. Hiểu rõ tầm quan trọng của tài nguyên rừng.- Hiểu đặc điểm phát triển và phân bố của các ngành kinh tế | - Phân tích sự phát triển và phân bố công nghiệp chế biến có ảnh hưởng như thế nào đến phát triển và phân bố nông nghiệp | - Vận dụng được kỹ năng phân tích, xử lý số liệu để vẽ biểu đồ  |  |
| Số câu: 15Điểm: 5 | 41 | 12 | 41 |  | 41 |  | 20,5 |  | 15 câu5 đ |
| Tổng số câu: 30Tổng điểm: 10 | 82 | 12 | 82 | 11 | 82 |  | 41 |  | 30 câu10 đ |
| ***Tỉ lệ*** | ***40%*** |  ***30%*** |  ***20%*** |  ***10%*** | **100%** |

|  |  |
| --- | --- |
| UBND QUẬN LONG BIÊN**TRƯỜNG THCS BỒ ĐỀ****NĂM HỌC 2022 - 2023** | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I****MÔN: ĐỊA LÍ 9****Thời gian làm bài: 45 phút****Ngày KT: / 10 / 2022** |

**MÃ ĐỀ: 01**

**A. TRẮC NGHIỆM: 5 điểm**

*Ghi ra giấy kiểm tra chữ cái đứng đầu ý kiến thức trả lời em cho là đúng:* ***( 0,25 điểm/ câu)***

**Câu 1. Dân số nước ta vào tháng 10/ 2020 vào khoảng hơn**

**A.** 97 triệu người **B.** 96 triệu người **C.** 95 triệu người **D.** 94 triệu người

**Câu 2: Dân số Việt Nam đứng thứ bao nhiêu trên thế giới?**

**A.** 20 **B.** 17 **C.** 15 **D.** 13

**Câu 3: Dân tộc nào có số dân đông nhất nước ta?**

**A.** Dân tộc Kinh B. Dân tộc Mường **C.** Dân tộc Hoa. **D.** Dân tộc Khơ-me

**Câu 4: Người Việt( Kinh) chiếm khoảng bao nhiêu phần trăm dân số nước ta?**

**A.** 86,2% **B.** 13,8% **C.** 31,8% **D.** 68,2%

**Câu 5: Cơ cấu dân số nước ta có sự thay đổi như thế nào?**

|  |
| --- |
| **A.** Tỉ lệ người dưới độ tuổi lao động tăng. Tỉ lệ người trong độ tuổi lao động và trên độ tuổi lao động giảm |
| **B.** Tỉ lệ người dưới độ tuổi lao động và trên độ tuổi lao động tăng. Tỉ lệ người trong độ tuổi lao động giảm |
| **C.** Tỉ lệ người dưới độ tuổi lao động và người trong độ tuổi lao động giảm. Tỉ lệ người trên độ tuổi lao động tăng |
| **D.** Tỉ lệ người dưới độ tuổi lao động giảm. Tỉ lệ người trong độ tuổi lao động và trên độ tuổi lao động tăng |

**Câu 6: Đặc điểm nào *không đúng* về các dân tộc Kinh người ở nước ta?**

|  |
| --- |
| **A.** Có số lượng ít. **B.** Chủ yếu tập trung ở đồng bằng, ven biển**C.** Có trình độ khoa học kỹ thuật cao **D.** Có kinh nghiệm và trình độ thâm canh lúa nước **Câu 7. Đặc điểm nào *không đúng* về các dân tộc ít người ở nước ta** **A**. Có số lượng ít. **B.** Có số dân và trình độ phát triển kinh tế khác nhau **C.** Chủ yếu tập trung ở miền núi **D.** Tập trung ở vùng đồng bằng, ven biển  |

**Câu 8: Tỷ lệ dân thành thị của nước ta năm 2019 khoảng**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** 40,4% | **B.** 34,4% | **C.** 30,4%. | **D.** 20,4% |

**Câu 9: Đặc điểm nào sau đây *đúng* với đặc điểm nguồn lao động nước ta?**

|  |
| --- |
| **A.** Có trình độ khoa học kỹ thuật cao **B.** Thể lực còn hạn chế**C.** Có trình độ ngoại ngữ cao **D.** Đều có trình độ chuyên môn lành nghề |

**Câu 10:** **Dân số là 95 triệu người và diện tích là 331.212km2 thì mật độ dân số sẽ khoảng là**

|  |
| --- |
| **A.** 486,8 người/ km2  **B.** 386,8 người/ km2  **C.** 286,8 người/km2  **D.** 186,8 người/ km2 |

**Câu 11: Loại tài nguyên thiên nhiên có ảnh hưởng lớn nhất tới sự phát triển và phân bố công nghiệp là**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** Nước | **B.** Khoáng sản | **C.** Đất | **D.** Sinh vật |

**Câu 12: Trong sản xuất nông nghiệp, nhân tố kinh tế- xã hội nào đóng vai trò định hướng quan trọng?**

|  |  |
| --- | --- |
| **A.** Chính sách phát triển nông nghiệp. | **B.** Cơ sở vật chất- kỹ thuật. |
| **C.** Dân cư, lao động. | **D.** Thị trường trong và ngoài nước. |

**Câu 13: Chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong thời kỳ đổi mới được thế hiện ở**

|  |
| --- |
| **A.** Chuyển dịch cơ cấu ngành, cơ cấu lãnh thổ |
| **B.** Chuyển dịch cơ cấu ngành, cơ cấu lãnh thổ và thành phần kinh tế |
| **C.** Tăng tỷ trọng của khu vực công nghiệp – xây dựng và dịch vụ |
| **D.** Chuyển dịch nền kinh tế theo hướng công nghiệp hóa – hiện đại hóa |

**Câu 14.** **Đặc điểm nào *không* phải đặc điểm đô thị hóa của nước ta?**

**A.** Quá trình đô thị hóa diễn ra với tốc độ ngày càng cao

**B.** Trình độ đô thị hóa cao

**C.** Phổ biến rộng rãi lối sống thành thị

**D.** Phần lớn các đô thị có quy mô vừa và nhỏ

**Câu 15. Dân số nước ta tăng nhanh qua các năm là vì**

**A.** các biện pháp kế hoạch hóa gia đình chưa phổ biến

**B.** có số người trong độ tuổi sinh đẻ cao

**C.** tập quán thích đông con của người dân

**D.** số người trong độ tuổi lao động nhiều

**Câu 16. Thế mạnh nông nghiệp ở vùng đồng bằng là**

**A.** trồng cây công nghiệp lâu năm và hàng năm

**B.** chăn nuôi gia súc lớn, gia cầm

**C.** trồng cây ngắn ngày, nuôi gia súc, gia cầm

**D**. trồng cây lâu năm, chăn nuôi lợn

**Câu 17. Một số ngành công nghiệp trọng điểm nổi bật ở nước ta là**

**A.** dầu khí, điện, điện tử - tin học, sản xuất hàng tiêu dùng

**B.** dầu khí, điện, chế biến lương thực thực phẩm, sản xuất hàng tiêu dùng

**C.** dầu khí, điện, điện tử - tin học, chế biến lương thực thực phẩm

**D.** dầu khí, điện, luyện kim, sản xuất hàng tiêu dùng

**Câu 18: Nghề cá ở nước ta phát triển mạnh ở**

**A.** Đồng bằng sông Hồng và Bắc Trung Bộ

**B.** Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ

**C.** Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long

**D.** Nam Trung Bộ và Nam Bộ

**Câu 19. Rừng của nước ta được chia thành ba loại là**

**A**. rừng phòng hộ, rừng nguyên sinh, rừng đặc dụng

**B.** rừng sản xuất, rừng thứ sinh, rừng phòng hộ

**C.** rừng phòng hộ, rừng sản xuất, rừng ngập mặn

**D.** rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất

**Câu 20. Vai trò nào không đúng với vai trò của ngành thủy sản?**

**A.** Cung cấp đạm động vật bổ dưỡng cho con người

**B.** Cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến

**C.** Cung cấp thịt, trứng, sữa, cho con người

**D.** Là mặt hàng xuất khẩu

**Câu 21: Biện pháp nào không phải là biện pháp quan trọng nhằm giải quyết việc làm ở nông thôn?**

**A.** Phân chia lại ruộng đất, giao đất giao rừng cho nông dân.

**B.** Thực hiện tốt chính sách dân số, sức khỏe sinh sản

**C.** Đa dạng hóa các hoạt động sản xuất đia phương

**D.** Coi trọng kinh tế hộ gia đình, phát triển nền kinh tế hàng hóa

**Câu 22: Phải áp dụng hệ thống canh tác khác nhau giữa các vùng là do**

**A.** sự phân hóa các điều kiện địa hình, đất trồng

**B.** sự phân hóa các điều kiện địa hình, sông ngòi

**C.** sự phân hóa các điều kiện khí hậu, đất trồng

**D.** sự phân hóa các điều kiện khí hậu, nguồn nước

**Câu 23: Năng suất lúa cả năm của nước ta có xu hướng tăng, chủ yếu do**

**A.** đẩy mạnh thâm canh

**B.** đẩy mạnh xen canh, tăng vụ

**C.** áp dụng rộng rãi các mô hình quảng cảnh

**D.** mở rộng diện tích canh tác

**Câu 24: Thế mạnh nông nghiệp ở vùng đồng bằng là**

**A.** trồng cây công nghiệp lâu năm và hàng năm

**B.** chăn nuôi gia súc lớn, gia cầm

**C.** trồng cây ngắn ngày nuôi trồng thủy sản

**D.** trồng cây lâu năm, chăn nuôi lợn

**Câu 25: Nhân tố có tính chất quyết định đến đặc điểm nhiệt đới của nền nông nghiệp nước ta là**

**A.** khí hậu nhiệt đới ẩm **B.** địa hình đa dạng

**C.** đất feralit **D.** nguồn nước phong phú

**Câu 26: Tác động tiêu cực của đô thi hóa là**

**A.** đóng góp lớn vào GDP cả nước. **B.** tạo việc làm và thu nhập

**C.** chuyển dịch cơ cấu kinh tế **D.** các vấn đề về môi trường

**Câu 27: Vùng có số dân thành thị thấp nhất cả nước là**

**A.** Trung du và miền núi Bắc Bộ **B.** Bắc Trung Bộ

**C.** Duyên hải Nam Trung Bộ **D.** Tây Nguyên

**Câu 28: Hai đô thị trực thuộc trung ương của nước ta là**

**A.** Hà Nội, Quảng Ninh **B.** Hà Nội, Hải Phòng

**C.** Huế, Đà Nẵng **D.** Cần Thơ, Đồng Nai

**B. TỰ LUẬN: 5 điểm**

**Câu 1**: ( 2 điểm) Cho bảng số liệu:

CƠ CẤU DIỆN TÍCH GIEO TRỒNG PHÂN THEO NHÓM CÂY (%)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Năm | 1990 | 2002 |
| Cây lương thực | 71,6 | 64,8 |
| Cây công nghiệp | 13,3 | 18,2 |
| Cây TP, ăn quả, cây khác | 15,1 | 17,0 |
| Tổng | 100 | 100 |

- Vẽ biểu đồ thể hiện cơ cấu diện tích gieo trồng phân theo nhóm cây năm 1990 và 2002.

- Nhận xét về cơ cấu diện tích gieo trồng phân theo nhóm cây năm 1990 và 2002.

**Câu 2:** ( 1 điểm)

Phân tích sự phát triển và phân bố công nghiệp chế biến có ảnh hưởng như thế nào đến phát triển và phân bố nông nghiệp?

|  |  |
| --- | --- |
| UBND QUẬN LONG BIÊN**TRƯỜNG THCS BỒ ĐỀ****NĂM HỌC 2022 - 2023** | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I****MÔN: ĐỊA LÍ 9****Thời gian làm bài: 45 phút****Ngày KT: / 10 / 2022** |

**MÃ ĐỀ: 02**

**A. TRẮC NGHIỆM: 5 điểm**

*Ghi ra giấy kiểm tra chữ cái đứng đầu ý kiến thức trả lời em cho là đúng:* ***( 0,25 điểm/ câu)***

**Câu 1. Dân số nước ta tăng nhanh qua các năm là vì**

**A.** các biện pháp kế hoạch hóa gia đình chưa phổ biến

**B.** có số người trong độ tuổi sinh đẻ cao

**C.** tập quán thích đông con của người dân

**D.** số người trong độ tuổi lao động nhiều

**Câu 2. Thế mạnh nông nghiệp ở vùng đồng bằng là**

**A.** trồng cây công nghiệp lâu năm và hàng năm

**B.** chăn nuôi gia súc lớn, gia cầm

**C.** trồng cây ngắn ngày, nuôi gia súc, gia cầm

**D**. trồng cây lâu năm, chăn nuôi lợn

**Câu 3. Một số ngành công nghiệp trọng điểm nổi bật ở nước ta là**

**A.** dầu khí, điện, điện tử - tin học, sản xuất hàng tiêu dùng

**B.** dầu khí, điện, chế biến lương thực thực phẩm, sản xuất hàng tiêu dùng

**C.** dầu khí, điện, điện tử - tin học, chế biến lương thực thực phẩm

**D.** dầu khí, điện, luyện kim, sản xuất hàng tiêu dùng

**Câu 4: Nghề cá ở nước ta phát triển mạnh ở**

**A.** Đồng bằng sông Hồng và Bắc Trung Bộ

**B.** Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ

**C.** Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long

**D.** Nam Trung Bộ và Nam Bộ

**Câu 5. Rừng của nước ta được chia thành ba loại là**

**A**. rừng phòng hộ, rừng nguyên sinh, rừng đặc dụng

**B.** rừng sản xuất, rừng thứ sinh, rừng phòng hộ

**C.** rừng phòng hộ, rừng sản xuất, rừng ngập mặn

**D.** rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất

**Câu 6. Vai trò nào không đúng với vai trò của ngành thủy sản?**

**A.** Cung cấp đạm động vật bổ dưỡng cho con người

**B.** Cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến

**C.** Cung cấp thịt, trứng, sữa, cho con người

**D.** Là mặt hàng xuất khẩu

**Câu 7. Dân số nước ta vào tháng 10/ 2020 vào khoảng hơn**

**A.** 97 triệu người **B.** 96 triệu người **C.** 95 triệu người **D**. 94 triệu người

**Câu 8: Dân số Việt Nam đứng thứ bao nhiêu trên thế giới?**

**A.** 20 **B.** 17 **C.** 15 **D.** 13

**Câu 9: Dân tộc nào có số dân đông nhất nước ta?**

**A.** Dân tộc Kinh **B.** Dân tộc Mường **C.** Dân tộc Hoa. **D.** Dân tộc Khơ-me

**Câu 10: Người Việt( Kinh) chiếm khoảng bao nhiêu phần trăm dân số nước ta?**

**A.** 86,2% **B.** 13,8% **C.** 31,8% **D.** 68,2%

**Câu 11: Cơ cấu dân số nước ta có sự thay đổi như thế nào?**

|  |
| --- |
| **A.** Tỉ lệ người dưới độ tuổi lao động tăng. Tỉ lệ người trong độ tuổi lao động và trên độ tuổi lao động giảm |
| **B.** Tỉ lệ người dưới độ tuổi lao động và trên độ tuổi lao động tăng. Tỉ lệ người trong độ tuổi lao động giảm |
| **C.** Tỉ lệ người dưới độ tuổi lao động và người trong độ tuổi lao động giảm. Tỉ lệ người trên độ tuổi lao động tăng |
| **D.** Tỉ lệ người dưới độ tuổi lao động giảm. Tỉ lệ người trong độ tuổi lao động và trên độ tuổi lao động tăng |

**Câu 12: Đặc điểm nào *không đúng* về các dân tộc Kinh người ở nước ta?**

|  |
| --- |
| **A.** Có số lượng ít. **B.** Chủ yếu tập trung ở đồng bằng, ven biển**C.** Có trình độ khoa học kỹ thuật cao **D.** Có kinh nghiệm và trình độ thâm canh lúa nước **Câu 13. Đặc điểm nào *không đúng* về các dân tộc ít người ở nước ta** **A**. Có số lượng ít. **B.** Có số dân và trình độ phát triển kinh tế khác nhau **C.** Chủ yếu tập trung ở miền núi **D.** Tập trung ở vùng đồng bằng, ven biển  |

**Câu 14: Tỷ lệ dân thành thị của nước ta năm 2019 khoảng**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** 40,4% | **B.** 34,4% | **C.** 30,4%. | **D.** 20,4% |

**Câu 15: Đặc điểm nào sau đây *đúng* với đặc điểm nguồn lao động nước ta?**

|  |
| --- |
| **A.** Có trình độ khoa học kỹ thuật cao **B.** Thể lực còn hạn chế**C.** Có trình độ ngoại ngữ cao **D.** Đều có trình độ chuyên môn lành nghề |

**Câu 16:** **Dân số là 95 triệu người và diện tích là 331.212km2 thì mật độ dân số sẽ khoảng là**

|  |
| --- |
| **A.** 486,8 người/ km2  **B.** 386,8 người/ km2  **C.** 286,8 người/km2  **D.** 186,8 người/ km2 |

**Câu 17: Loại tài nguyên thiên nhiên có ảnh hưởng lớn nhất tới sự phát triển và phân bố công nghiệp là**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** Nước | **B.** Khoáng sản | **C.** Đất | **D.** Sinh vật |

**Câu 18: Trong sản xuất nông nghiệp, nhân tố kinh tế- xã hội nào đóng vai trò định hướng quan trọng?**

|  |  |
| --- | --- |
| **A.** Chính sách phát triển nông nghiệp. | **B.** Cơ sở vật chất- kỹ thuật. |
| **C.** Dân cư, lao động. | **D.** Thị trường trong và ngoài nước. |

**Câu 19: Chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong thời kỳ đổi mới được thế hiện ở**

|  |
| --- |
| **A.** Chuyển dịch cơ cấu ngành, cơ cấu lãnh thổ |
| **B.** Chuyển dịch cơ cấu ngành, cơ cấu lãnh thổ và thành phần kinh tế |
| **C.** Tăng tỷ trọng của khu vực công nghiệp – xây dựng và dịch vụ |
| **D.** Chuyển dịch nền kinh tế theo hướng công nghiệp hóa – hiện đại hóa |

**Câu 20.** **Đặc điểm nào *không* phải đặc điểm đô thị hóa của nước ta?**

**A.** Quá trình đô thị hóa diễn ra với tốc độ ngày càng cao

**B.** Trình độ đô thị hóa cao

**C.** Phổ biến rộng rãi lối sống thành thị

**D.** Phần lớn các đô thị có quy mô vừa và nhỏ

**Câu 21: Biện pháp nào không phải là biện pháp quan trọng nhằm giải quyết việc làm ở nông thôn?**

**A.** Phân chia lại ruộng đất, giao đất giao rừng cho nông dân.

**B.** Thực hiện tốt chính sách dân số, sức khỏe sinh sản

**C.** Đa dạng hóa các hoạt động sản xuất đia phương

**D.** Coi trọng kinh tế hộ gia đình, phát triển nền kinh tế hàng hóa

**Câu 22: Phải áp dụng hệ thống canh tác khác nhau giữa các vùng là do**

**A.** sự phân hóa các điều kiện địa hình, đất trồng

**B.** sự phân hóa các điều kiện địa hình, sông ngòi

**C.** sự phân hóa các điều kiện khí hậu, đất trồng

**D.** sự phân hóa các điều kiện khí hậu, nguồn nước

**Câu 23: Năng suất lúa cả năm của nước ta có xu hướng tăng, chủ yếu do**

**A.** đẩy mạnh thâm canh

**B.** đẩy mạnh xen canh, tăng vụ

**C.** áp dụng rộng rãi các mô hình quảng cảnh

**D.** mở rộng diện tích canh tác

**Câu 24: Thế mạnh nông nghiệp ở vùng đồng bằng là**

**A.** trồng cây công nghiệp lâu năm và hàng năm

**B.** chăn nuôi gia súc lớn, gia cầm

**C.** trồng cây ngắn ngày nuôi trồng thủy sản

**D.** trồng cây lâu năm, chăn nuôi lợn

**Câu 25: Nhân tố có tính chất quyết định đến đặc điểm nhiệt đới của nền nông nghiệp nước ta là**

**A.** khí hậu nhiệt đới ẩm **B.** địa hình đa dạng

**C.** đất feralit **D.** nguồn nước phong phú

**Câu 26: Tác động tiêu cực của đô thi hóa là**

**A.** đóng góp lớn vào GDP cả nước. **B.** tạo việc làm và thu nhập

**C.** chuyển dịch cơ cấu kinh tế **D.** các vấn đề về môi trường

**Câu 27: Vùng có số dân thành thị thấp nhất cả nước là**

**A.** Trung du và miền núi Bắc Bộ **B.** Bắc Trung Bộ

**C.** Duyên hải Nam Trung Bộ **D.** Tây Nguyên

**Câu 28: Hai đô thị trực thuộc trung ương của nước ta là**

**A.** Hà Nội, Quảng Ninh **B.** Hà Nội, Hải Phòng

**C.** Huế, Đà Nẵng **D.** Cần Thơ, Đồng Nai

**B. TỰ LUẬN: 5 điểm**

 **Câu 1**: (2 điểm ) Cho bảng số liệu:

CƠ CẤU DIỆN TÍCH GIEO TRỒNG PHÂN THEO NHÓM CÂY (%)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Năm | 1990 | 2002 |
| Cây lương thực | 71,6 | 64,8 |
| Cây công nghiệp | 13,3 | 18,2 |
| Cây TP, ăn quả, cây khác | 15,1 | 17,0 |
| Tổng | 100 | 100 |

- Vẽ biểu đồ thể hiện cơ cấu diện tích gieo trồng phân theo nhóm cây năm 1990 và 2002.

- Nhận xét về cơ cấu diện tích gieo trồng phân theo nhóm cây năm 1990 và 2002.

 **Câu 2:** (1 điểm)

Phân tích sự phát triển và phân bố công nghiệp chế biến có ảnh hưởng như thế nào đến phát triển và phân bố nông nghiệp?

|  |  |
| --- | --- |
| UBND QUẬN LONG BIÊN**TRƯỜNG THCS BỒ ĐỀ****NĂM HỌC 2022 - 2023** | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I****MÔN: ĐỊA LÍ 9****Thời gian làm bài: 45 phút****Ngày KT: / 10 / 2022** |

**MÃ ĐỀ: 03**

**A. TRẮC NGHIỆM: 5 điểm**

*Ghi ra giấy kiểm tra chữ cái đứng đầu ý kiến thức trả lời em cho là đúng:****thức ( 0,25 điểm/ câu)***

**Câu 1: Đặc điểm nào sau đây *đúng* với đặc điểm nguồn lao động nước ta?**

|  |
| --- |
| **A.** Có trình độ khoa học kỹ thuật cao **B.** Thể lực còn hạn chế**C.** Có trình độ ngoại ngữ cao **D.** Đều có trình độ chuyên môn lành nghề |

**Câu 2:** **Dân số là 95 triệu người và diện tích là 331.212km2 thì mật độ dân số sẽ khoảng là**

|  |
| --- |
| **A.** 486,8 người/ km2  **B.** 386,8 người/ km2  **C.** 286,8 người/km2  **D.** 186,8 người/ km2 |

**Câu 3: Loại tài nguyên thiên nhiên có ảnh hưởng lớn nhất tới sự phát triển và phân bố công nghiệp là**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** Nước | **B.** Khoáng sản | **C.** Đất | **D.** Sinh vật |

**Câu 4: Trong sản xuất nông nghiệp, nhân tố kinh tế- xã hội nào đóng vai trò định hướng quan trọng?**

**A.** Chính sách phát triển nông nghiệp. **B.** Cơ sở vật chất- kỹ thuật.

**C.** Dân cư, lao động. **D.** Thị trường trong và ngoài nước.

**Câu 5: Nghề cá ở nước ta phát triển mạnh ở**

**A.** Đồng bằng sông Hồng và Bắc Trung Bộ

**B.** Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ

**C.** Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long

**D.** Nam Trung Bộ và Nam Bộ

**Câu 6. Dân số nước ta tăng nhanh qua các năm là vì**

**A.** các biện pháp kế hoạch hóa gia đình chưa phổ biến

**B.** có số người trong độ tuổi sinh đẻ cao

**C.** tập quán thích đông con của người dân

**D.** số người trong độ tuổi lao động nhiều

**Câu 7. Rừng của nước ta được chia thành ba loại là**

**A**. rừng phòng hộ, rừng nguyên sinh, rừng đặc dụng

**B.** rừng sản xuất, rừng thứ sinh, rừng phòng hộ

**C.** rừng phòng hộ, rừng sản xuất, rừng ngập mặn

**D.** rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất

**Câu 8. Vai trò nào không đúng với vai trò của ngành thủy sản?**

**A.** Cung cấp đạm động vật bổ dưỡng cho con người

**B.** Cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến

**C.** Cung cấp thịt, trứng, sữa, cho con người

**D.** Là mặt hàng xuất khẩu

**Câu 9: Người Việt( Kinh) chiếm khoảng bao nhiêu phần trăm dân số nước ta?**

**A.** 86,2% **B.** 13,8% **C.** 31,8% **D.** 68,2%

**Câu 10: Cơ cấu dân số nước ta có sự thay đổi như thế nào?**

|  |
| --- |
| **A.** Tỉ lệ người dưới độ tuổi lao động tăng. Tỉ lệ người trong độ tuổi lao động và trên độ tuổi lao động giảm |
| **B.** Tỉ lệ người dưới độ tuổi lao động và trên độ tuổi lao động tăng. Tỉ lệ người trong độ tuổi lao động giảm |
| **C.** Tỉ lệ người dưới độ tuổi lao động và người trong độ tuổi lao động giảm. Tỉ lệ người trên độ tuổi lao động tăng |
| **D.** Tỉ lệ người dưới độ tuổi lao động giảm. Tỉ lệ người trong độ tuổi lao động và trên độ tuổi lao động tăng |

**Câu 11: Đặc điểm nào *không đúng* về các dân tộc Kinh người ở nước ta?**

|  |
| --- |
| **A.** Có số lượng ít. **B.** Chủ yếu tập trung ở đồng bằng, ven biển**C.** Có trình độ khoa học kỹ thuật cao **D.** Có kinh nghiệm và trình độ thâm canh lúa nước **Câu 12. Đặc điểm nào *không đúng* về các dân tộc ít người ở nước ta** **A**. Có số lượng ít. **B.** Có số dân và trình độ phát triển kinh tế khác nhau **C.** Chủ yếu tập trung ở miền núi **D.** Tập trung ở vùng đồng bằng, ven biển  |

**Câu 13. Thế mạnh nông nghiệp ở vùng đồng bằng là**

**A.** trồng cây công nghiệp lâu năm và hàng năm

**B.** chăn nuôi gia súc lớn, gia cầm

**C.** trồng cây ngắn ngày, nuôi gia súc, gia cầm

**D**. trồng cây lâu năm, chăn nuôi lợn

**Câu 14: Biện pháp nào không phải là biện pháp quan trọng nhằm giải quyết việc làm ở nông thôn?**

**A.** Phân chia lại ruộng đất, giao đất giao rừng cho nông dân.

**B.** Thực hiện tốt chính sách dân số, sức khỏe sinh sản

**C.** Đa dạng hóa các hoạt động sản xuất đia phương

**D.** Coi trọng kinh tế hộ gia đình, phát triển nền kinh tế hàng hóa

**Câu 15: Phải áp dụng hệ thống canh tác khác nhau giữa các vùng là do**

**A.** sự phân hóa các điều kiện địa hình, đất trồng

**B.** sự phân hóa các điều kiện địa hình, sông ngòi

**C.** sự phân hóa các điều kiện khí hậu, đất trồng

**D.** sự phân hóa các điều kiện khí hậu, nguồn nước

**Câu 16: Năng suất lúa cả năm của nước ta có xu hướng tăng, chủ yếu do**

**A.** đẩy mạnh thâm canh

**B.** đẩy mạnh xen canh, tăng vụ

**C.** áp dụng rộng rãi các mô hình quảng cảnh

**D.** mở rộng diện tích canh tác

**Câu 17: Thế mạnh nông nghiệp ở vùng đồng bằng là**

**A.** trồng cây công nghiệp lâu năm và hàng năm

**B.** chăn nuôi gia súc lớn, gia cầm

**C.** trồng cây ngắn ngày nuôi trồng thủy sản

**D.** trồng cây lâu năm, chăn nuôi lợn

**Câu 18: Nhân tố có tính chất quyết định đến đặc điểm nhiệt đới của nền nông nghiệp nước ta là**

**A.** khí hậu nhiệt đới ẩm **B.** địa hình đa dạng

**C.** đất feralit **D.** nguồn nước phong phú

**Câu 19: Tác động tiêu cực của đô thi hóa là**

**A.** đóng góp lớn vào GDP cả nước. **B.** tạo việc làm và thu nhập

**C.** chuyển dịch cơ cấu kinh tế **D.** các vấn đề về môi trường

**Câu 20: Vùng có số dân thành thị thấp nhất cả nước là**

**A.** Trung du và miền núi Bắc Bộ **B.** Bắc Trung Bộ

**C.** Duyên hải Nam Trung Bộ **D.** Tây Nguyên

**Câu 21: Hai đô thị trực thuộc trung ương của nước ta là**

**A.** Hà Nội, Quảng Ninh **B.** Hà Nội, Hải Phòng

**C.** Huế, Đà Nẵng **D.** Cần Thơ, Đồng Nai

**Câu 22. Một số ngành công nghiệp trọng điểm nổi bật ở nước ta là**

**A.** dầu khí, điện, điện tử - tin học, sản xuất hàng tiêu dùng

**B.** dầu khí, điện, chế biến lương thực thực phẩm, sản xuất hàng tiêu dùng

**C.** dầu khí, điện, điện tử - tin học, chế biến lương thực thực phẩm

**D.** dầu khí, điện, luyện kim, sản xuất hàng tiêu dùng

**Câu 23. Dân số nước ta vào tháng 10/ 2020 vào khoảng hơn**

**A.** 97 triệu người **B.** 96 triệu người **C.** 95 triệu người **D.** 94 triệu người

**Câu 24: Dân số Việt Nam đứng thứ bao nhiêu trên thế giới?**

**A.** 20 **B.** 17 **C.** 15 **D.** 13

**Câu 25: Dân tộc nào có số dân đông nhất nước ta?**

**A.** Dân tộc Kinh **B.** Dân tộc Mường **C.** Dân tộc Hoa. **D.** Dân tộc Khơ-me

**Câu 26: Tỷ lệ dân thành thị của nước ta năm 2019 khoảng**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** 40,4% | **B.** 34,4% | **C.** 30,4%. | **D.** 20,4% |

**Câu 27: Chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong thời kỳ đổi mới được thế hiện ở**

|  |
| --- |
| **A.** Chuyển dịch cơ cấu ngành, cơ cấu lãnh thổ |
| **B.** Chuyển dịch cơ cấu ngành, cơ cấu lãnh thổ và thành phần kinh tế |
| **C.** Tăng tỷ trọng của khu vực công nghiệp – xây dựng và dịch vụ |
| **D.** Chuyển dịch nền kinh tế theo hướng công nghiệp hóa – hiện đại hóa |

**Câu 28.** **Đặc điểm nào *không* phải đặc điểm đô thị hóa của nước ta?**

**A.** Quá trình đô thị hóa diễn ra với tốc độ ngày càng cao

**B.** Trình độ đô thị hóa cao

**C.** Phổ biến rộng rãi lối sống thành thị

**D.** Phần lớn các đô thị có quy mô vừa và nhỏ

**B. TỰ LUẬN: 5 điểm**

 **Câu 1**: (2 điểm) Cho bảng số liệu:

CƠ CẤU DIỆN TÍCH GIEO TRỒNG PHÂN THEO NHÓM CÂY (%)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Năm | 1990 | 2002 |
| Cây lương thực | 71,6 | 64,8 |
| Cây công nghiệp | 13,3 | 18,2 |
| Cây TP, ăn quả, cây khác | 15,1 | 17,0 |
| Tổng | 100 | 100 |

- Vẽ biểu đồ thể hiện cơ cấu diện tích gieo trồng phân theo nhóm cây năm 1990 và 2002.

- Nhận xét về cơ cấu diện tích gieo trồng phân theo nhóm cây năm 1990 và 2002.

**Câu 2:** (1 điểm)

Phân tích sự phát triển và phân bố công nghiệp chế biến có ảnh hưởng như thế nào đến phát triển và phân bố nông nghiệp?

|  |  |
| --- | --- |
| UBND QUẬN LONG BIÊN**TRƯỜNG THCS BỒ ĐỀ****NĂM HỌC 2022 - 2023** | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I****MÔN: ĐỊA LÍ 9****Thời gian làm bài: 45 phút****Ngày KT: / 10 / 2022** |

**MÃ ĐỀ: 04**

**A. TRẮC NGHIỆM: 5 điểm**

*Ghi ra giấy kiểm tra chữ cái đứng đầu ý kiến thức trả lời em cho là đúng:* ***( 0,25 điểm/ câu)***

**Câu 1. Dân số nước ta tăng nhanh qua các năm là vì**

**A.** các biện pháp kế hoạch hóa gia đình chưa phổ biến

**B.** có số người trong độ tuổi sinh đẻ cao

**C.** tập quán thích đông con của người dân

**D.** số người trong độ tuổi lao động nhiều

**Câu 2. Rừng của nước ta được chia thành ba loại là**

**A**. rừng phòng hộ, rừng nguyên sinh, rừng đặc dụng

**B.** rừng sản xuất, rừng thứ sinh, rừng phòng hộ

**C.** rừng phòng hộ, rừng sản xuất, rừng ngập mặn

**D.** rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất

**Câu 3. Vai trò nào không đúng với vai trò của ngành thủy sản?**

**A.** Cung cấp đạm động vật bổ dưỡng cho con người

**B.** Cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến

**C.** Cung cấp thịt, trứng, sữa, cho con người

**D.** Là mặt hàng xuất khẩu

**Câu 4: Người Việt( Kinh) chiếm khoảng bao nhiêu phần trăm dân số nước ta?**

**A.** 86,2% **B.** 13,8% **C.** 31,8% **D.** 68,2%

**Câu 5: Cơ cấu dân số nước ta có sự thay đổi như thế nào?**

|  |
| --- |
| **A.** Tỉ lệ người dưới độ tuổi lao động tăng. Tỉ lệ người trong độ tuổi lao động và trên độ tuổi lao động giảm |
| **B.** Tỉ lệ người dưới độ tuổi lao động và trên độ tuổi lao động tăng. Tỉ lệ người trong độ tuổi lao động giảm |
| **C.** Tỉ lệ người dưới độ tuổi lao động và người trong độ tuổi lao động giảm. Tỉ lệ người trên độ tuổi lao động tăng |
| **D.** Tỉ lệ người dưới độ tuổi lao động giảm. Tỉ lệ người trong độ tuổi lao động và trên độ tuổi lao động tăng |

**Câu 6: Đặc điểm nào *không đúng* về các dân tộc Kinh người ở nước ta?**

|  |
| --- |
| **A.** Có số lượng ít. **B.** Chủ yếu tập trung ở đồng bằng, ven biển**C.** Có trình độ khoa học kỹ thuật cao **D.** Có kinh nghiệm và trình độ thâm canh lúa nước **Câu 7. Đặc điểm nào *không đúng* về các dân tộc ít người ở nước ta** **A**. Có số lượng ít. **B.** Có số dân và trình độ phát triển kinh tế khác nhau **C.** Chủ yếu tập trung ở miền núi **D.** Tập trung ở vùng đồng bằng, ven biển  |

**Câu 8. Thế mạnh nông nghiệp ở vùng đồng bằng là**

**A.** trồng cây công nghiệp lâu năm và hàng năm

**B.** chăn nuôi gia súc lớn, gia cầm

**C.** trồng cây ngắn ngày, nuôi gia súc, gia cầm

**D**. trồng cây lâu năm, chăn nuôi lợn

**Câu 9: Đặc điểm nào sau đây *đúng* với đặc điểm nguồn lao động nước ta?**

|  |
| --- |
| **A.** Có trình độ khoa học kỹ thuật cao **B.** Thể lực còn hạn chế**C.** Có trình độ ngoại ngữ cao **D.** Đều có trình độ chuyên môn lành nghề |

**Câu 10:** **Dân số là 95 triệu người và diện tích là 331.212km2 thì mật độ dân số sẽ khoảng là**

|  |
| --- |
| **A.** 486,8 người/ km2  **B.** 386,8 người/ km2  **C.** 286,8 người/km2  **D.** 186,8 người/ km2 |

**Câu 11: Loại tài nguyên thiên nhiên có ảnh hưởng lớn nhất tới sự phát triển và phân bố công nghiệp là**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** Nước | **B.** Khoáng sản | **C.** Đất | **D.** Sinh vật |

**Câu 12: Trong sản xuất nông nghiệp, nhân tố kinh tế- xã hội nào đóng vai trò định hướng quan trọng?**

**A.** Chính sách phát triển nông nghiệp. **B.** Cơ sở vật chất- kỹ thuật.

**C.** Dân cư, lao động. **D.** Thị trường trong và ngoài nước.

**Câu 13: Nghề cá ở nước ta phát triển mạnh ở**

**A.** Đồng bằng sông Hồng và Bắc Trung Bộ

**B.** Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ

**C.** Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long

**D.** Nam Trung Bộ và Nam Bộ

**Câu 14. Một số ngành công nghiệp trọng điểm nổi bật ở nước ta là**

**A.** dầu khí, điện, điện tử - tin học, sản xuất hàng tiêu dùng

**B.** dầu khí, điện, chế biến lương thực thực phẩm, sản xuất hàng tiêu dùng

**C.** dầu khí, điện, điện tử - tin học, chế biến lương thực thực phẩm

**D.** dầu khí, điện, luyện kim, sản xuất hàng tiêu dùng

**Câu 15. Dân số nước ta vào tháng 10/ 2020 vào khoảng hơn**

**A.** 97 triệu người **B.** 96 triệu người **C.** 95 triệu người **D.** 94 triệu người

**Câu 16: Dân số Việt Nam đứng thứ bao nhiêu trên thế giới?**

**A.** 20 **B.** 17 **C.** 15 **D.** 13

**Câu 17: Biện pháp nào không phải là biện pháp quan trọng nhằm giải quyết việc làm ở nông thôn?**

**A.** Phân chia lại ruộng đất, giao đất giao rừng cho nông dân.

**B.** Thực hiện tốt chính sách dân số, sức khỏe sinh sản

**C.** Đa dạng hóa các hoạt động sản xuất đia phương

**D.** Coi trọng kinh tế hộ gia đình, phát triển nền kinh tế hàng hóa

**Câu 18: Phải áp dụng hệ thống canh tác khác nhau giữa các vùng là do**

**A.** sự phân hóa các điều kiện địa hình, đất trồng

**B.** sự phân hóa các điều kiện địa hình, sông ngòi

**C.** sự phân hóa các điều kiện khí hậu, đất trồng

**D.** sự phân hóa các điều kiện khí hậu, nguồn nước

**Câu 19: Năng suất lúa cả năm của nước ta có xu hướng tăng, chủ yếu do**

**A.** đẩy mạnh thâm canh

**B.** đẩy mạnh xen canh, tăng vụ

**C.** áp dụng rộng rãi các mô hình quảng cảnh

**D.** mở rộng diện tích canh tác

**Câu 20: Thế mạnh nông nghiệp ở vùng đồng bằng là**

**A.** trồng cây công nghiệp lâu năm và hàng năm

**B.** chăn nuôi gia súc lớn, gia cầm

**C.** trồng cây ngắn ngày nuôi trồng thủy sản

**D.** trồng cây lâu năm, chăn nuôi lợn

**Câu 21: Nhân tố có tính chất quyết định đến đặc điểm nhiệt đới của nền nông nghiệp nước ta là**

**A.** khí hậu nhiệt đới ẩm **B.** địa hình đa dạng

**C.** đất feralit **D.** nguồn nước phong phú

**Câu 22: Tác động tiêu cực của đô thi hóa là**

**A.** đóng góp lớn vào GDP cả nước. **B.** tạo việc làm và thu nhập

**C.** chuyển dịch cơ cấu kinh tế **D.** các vấn đề về môi trường

**Câu 23: Vùng có số dân thành thị thấp nhất cả nước là**

**A.** Trung du và miền núi Bắc Bộ **B.** Bắc Trung Bộ

**C.** Duyên hải Nam Trung Bộ **D.** Tây Nguyên

**Câu 24: Hai đô thị trực thuộc trung ương của nước ta là**

**A.** Hà Nội, Quảng Ninh **B.** Hà Nội, Hải Phòng

**C.** Huế, Đà Nẵng **D.** Cần Thơ, Đồng Nai

**Câu 25: Dân tộc nào có số dân đông nhất nước ta?**

**A.** Dân tộc Kinh **B.** Dân tộc Mường **C.** Dân tộc Hoa. **D**. Dân tộc Khơ-me

**Câu 26: Tỷ lệ dân thành thị của nước ta năm 2019 khoảng**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** 40,4% | **B.** 34,4% | **C.** 30,4%. | **D.** 20,4% |

**Câu 27: Chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong thời kỳ đổi mới được thế hiện ở**

|  |
| --- |
| **A.** Chuyển dịch cơ cấu ngành, cơ cấu lãnh thổ |
| **B.** Chuyển dịch cơ cấu ngành, cơ cấu lãnh thổ và thành phần kinh tế |
| **C.** Tăng tỷ trọng của khu vực công nghiệp – xây dựng và dịch vụ |
| **D.** Chuyển dịch nền kinh tế theo hướng công nghiệp hóa – hiện đại hóa |

**Câu 28.** **Đặc điểm nào *không* phải đặc điểm đô thị hóa của nước ta?**

**A.** Quá trình đô thị hóa diễn ra với tốc độ ngày càng cao

**B.** Trình độ đô thị hóa cao

**C.** Phổ biến rộng rãi lối sống thành thị

**D.** Phần lớn các đô thị có quy mô vừa và nhỏ

**B. TỰ LUẬN: 5 điểm**

 **Câu 1**: ( 2 điểm) Cho bảng số liệu:

CƠ CẤU DIỆN TÍCH GIEO TRỒNG PHÂN THEO NHÓM CÂY (%)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Năm | 1990 | 2002 |
| Cây lương thực | 71,6 | 64,8 |
| Cây công nghiệp | 13,3 | 18,2 |
| Cây TP, ăn quả, cây khác | 15,1 | 17,0 |
| Tổng | 100 | 100 |

- Vẽ biểu đồ thể hiện cơ cấu diện tích gieo trồng phân theo nhóm cây năm 1990 và 2002.

- Nhận xét về cơ cấu diện tích gieo trồng phân theo nhóm cây năm 1990 và 2002.

 **Câu 2:** ( 1 điểm)

Phân tích sự phát triển và phân bố công nghiệp chế biến có ảnh hưởng như thế nào đến phát triển và phân bố nông nghiệp?

|  |  |
| --- | --- |
| UBND QUẬN LONG BIÊN**TRƯỜNG THCS BỒ ĐỀ****NĂM HỌC 2022 - 2023** | **ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I****MÔN: ĐỊA LÍ 9****Thời gian làm bài: 45’****Ngày kiểm tra:****/ 10 / 2022** |

**ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHỦ ĐỀ** | **ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM** | **BIỂU ĐIỂM** |
| **I. Trắc nghiệm*:( 5 điểm)*** |
| **Câu** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | **0,25đ/ câu** |
| ***ĐA*** | ***A*** | ***C*** | ***A*** | ***A*** | ***D*** | ***A*** | ***D*** | ***B*** | ***B*** | ***C*** |
| **Câu** | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 |
| ***ĐA*** | ***B*** | ***A*** | ***B*** |  ***B*** | ***B*** | ***C*** | ***B*** | ***D*** | ***D*** | ***C*** |
| **Câu** | *21* | *22* | *23* | *24* | *25* | *26* | *27* | *28* |  |  |  |
| ***ĐA*** | ***A*** | ***A*** | ***A*** | ***C*** | ***A*** | ***D*** | ***D*** | ***B*** |  |  |  |

***Mã đề 2***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | **0,25đ/ câu** |
| ***ĐA*** | ***B*** | ***C*** | ***B*** | ***D*** | ***C*** | ***C*** | ***A*** | ***C*** | ***A*** | ***A*** |
| **Câu** | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 |
| ***ĐA*** | ***D*** | ***A*** | ***D*** |  ***B*** | ***B*** | ***C*** | ***B*** | ***A*** | ***B*** | ***B*** |
| **Câu** | *21* | *22* | *23* | *24* | *25* | *26* | *27* | *28* |  |  |  |
| ***ĐA*** | ***A*** | ***A*** | ***A*** | ***C*** | ***A*** | ***D*** | ***D*** | ***B*** |  |  |  |

***Mã đề 3***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | **0,25đ/ câu** |
| ***ĐA*** | ***B*** | ***C*** | ***B*** | ***A*** | ***D*** | ***B*** | ***D*** | ***C*** | ***A*** | ***D*** |
| **Câu** | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 |
| ***ĐA*** | ***A*** | ***D*** | ***C*** |  ***A*** | ***A*** | ***A*** | ***C*** | ***A*** | ***D*** | ***D*** |
| **Câu** | *21* | *22* | *23* | *24* | *25* | *26* | *27* | *28* |  |  |  |
| ***ĐA*** | ***B*** | ***B*** | ***A*** | ***C*** | ***A*** | ***B*** | ***B*** | ***B*** |  |  |  |

***Mã đề 4***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | **0,25đ/ câu** |
| ***ĐA*** | ***B*** | ***D*** | ***C*** | ***A*** | ***D*** | ***A*** | ***D*** | ***C*** | ***B*** | ***C*** |
| **Câu** | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 |
| ***ĐA*** | ***B*** | ***A*** | ***D*** |  ***B*** | ***A*** | ***C*** | ***A*** | ***A*** | ***A*** | ***C*** |
| **Câu** | *21* | *22* | *23* | *24* | *25* | *26* | *27* | *28* |  |  |  |
| ***ĐA*** | ***A*** | ***D*** | ***D*** | ***B*** | ***A*** | ***B*** | ***B*** | ***B*** |  |  |  |

|  |
| --- |
| **II. TỰ LUẬN *(5.0 điểm)*** |
| **Câu 1****2 điểm** | - Vẽ biểu đồ:**BIỂU ĐỒ CƠ CẤU DIỆN TÍCH GIEO TRỒNG CÁC NHÓM CÂY NĂM 1990 VÀ 2002**- Nhận xét:+ Cơ cấu diện tích gieo trồng phân theo nhóm cây năm 1990 và 2002 không đồng đều và có sự chuyển dịch.+ Cây Lương thực chiếm tỉ trọng cao nhất có xu hướng giảm (dẫn chứng).+ Cây Công nghiệp chiếm tỉ trọng nhỏ có xu hướng tăng mạnh (dẫn chứng).+ Cây thực phẩm, ăn quả, các loài cây khác chiếm tỉ trọng nhỏ có xu hướng tăng (dẫn chứng). | **1,0****1,0** |
| **Câu 2****1 điểm** | - Phát triển và phân bố công nghiệp chế biến có ảnh hưởng đến phát triển và phân bố nông nghiệp ở chỗ:+ Tăng giá trị và khả năng cạnh tranh của hàng nông sản+ Thúc đẩy sự phát triển các vùng chuyên canh+ Nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp- Nông nghiệp nươc ta mới trở thành ngành sản xuất hàng hóa nhờ sự hỗ trợ tích cực của công nghiệp chế biến | **1,0** |
| **Tổng** |  | **10 điểm** |

 **BGH DUYỆT TỔ TRƯỞNG NGƯỜI RA ĐỀ**

 **Đỗ Thị Phương Mai Nguyễn Thị Vân**